Mẫu số 40-DS
NQ01/2017/NQ-HĐTP
13/01/2017

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2020/QĐST-HNGĐ

Than Uyên, ngày 25 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Trương D, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Bản É L, xã M T, huyện T U, tỉnh L C.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Bản É L, xã M T, huyện T U, tỉnh L C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hoàng Trương D và chị Đỗ Thị M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Trương D và chị Đỗ Thị M thuận tình ly hôn.

- Việc nuôi con chung: Anh Hoàng Trương D và chị Đỗ Thị M có một con chung tên là Hoàng Đỗ T B, sinh ngày 05/01/2014. Anh Hoàng Trương D và chị Đỗ Thị M thỏa thuận như sau:

+ Giao cho anh Hoàng Trương D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Hoàng Đỗ T B sinh ngày 05/01/2014 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Hoàng Trương D không yêu cầu chị Đỗ Thị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị M có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh D. Anh D có quyền yêu cầu chị M cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn chị Đỗ Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh Hoàng Trương D và chị Đỗ Thị M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Trương D và chị Đỗ Thị M mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh D tự nguyện nộp thay chị M số tiền án phí mà chị M phải nộp, chị M nhất trí. Tổng cộng anh Hoàng Trương D phải nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Trả lại cho anh Hoàng Trương D số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/0004449 ngày 03/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Giang Thị Vượng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã M T;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh);
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THADS huyện Than Uyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.